

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN**

Số: 15 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quế Sơn, ngày 13 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020
của huyện Quế Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 24/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Quế Sơn về quyết định dự toán thu, chi và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của huyện Quế Sơn (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể ở huyện;
- UBND các xã; thị trấn;
- Lưu VT, Đăng trên cổng thông tin điện tử của huyện.

D:\THUAN\CONG KHAI NSNN\DU TOAN\2020\
Quyết định công khai DT NSNN 2020.doc

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Nguyên Vũ

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2020
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	591.964
I	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	88.511
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	55.836
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	32.675
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	503.453
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	262.528
-	Thu bổ sung có mục tiêu	240.925
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	591.964
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	591.964
1	Chi đầu tư phát triển	95.021
2	Chi thường xuyên	451.635
3	Chi dự phòng	6.653
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	32.109
5	Chi từ nguồn HĐND huyện giao tăng thu	6.546
II	Chi các chương trình mục tiêu	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DƯ TOÀN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2020**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2020
A	B	3
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	587.087
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	83.634
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	503.453
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	262.528
-	Thu bổ sung có mục tiêu	240.925
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	587.087
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	491.752
2	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	95.335
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	50.717
-	Thu bổ sung có mục tiêu	44.618
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH CẤP XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	100.212
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	4.877
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	95.335
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	50.717
-	Thu bổ sung có mục tiêu	44.618
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	100.212

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN**

Biểu số 83/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	
		Tổng số thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	636.278	591.964
I	Thu nội địa	132.825	88.511
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
3	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	374	168
-	Thuế giá trị gia tăng	374	168
4	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.200	990
-	Thuế giá trị gia tăng	2.200	990
5	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	70.840	35.980
-	Thuế giá trị gia tăng	53.107	23.898
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.175	4.579
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	45
-	Thuế tài nguyên	7.458	7.458
6	Thuế thu nhập cá nhân	6.655	2.995
7	Thuế bảo vệ môi trường		
8	Lệ phí trước bạ	20.900	20.900
9	Thu phí, lệ phí	7.095	5.412
10	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	220	220
12	Tiền cho thuê đất, mặt nước	715	715
13	Thu tiền sử dụng đất	16.500	16.500
14	Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.200	2.200
16	Thu khác ngân sách	4.521	1.826
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	605	605
II	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Ngân sách huyện	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	591.964	491.752	100.212
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	591.964	491.752	100.212
I	Chi đầu tư phát triển	95.021	90.661	4.360
1	Chi đầu tư cho các dự án	95.021	90.661	4.360
	Trong đó: Chi theo lĩnh vực			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	Trong đó: Chi theo nguồn vốn			
-	Chi từ nguồn tiền sử dụng đất	16.500	16.500	
-	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.298	20.298	
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	451.635	362.934	88.701
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	178.757	178.477	280
2	Chi khoa học và công nghệ	400	400	
III	Chi dự phòng ngân sách	6.653	5.201	1.452
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	32.109	27.130	4.979
V	Chi từ nguồn HĐND huyện giao tăng thu	6.546	5.826	720
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán
A	B	2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	587.087
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	95.335
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	491.752
I	Chi đầu tư phát triển	90.661
1	Chi đầu tư cho các dự án	27.895
-	Chi quốc phòng	1.729
-	Chi các hoạt động kinh tế	19.466
-	Chi y tế, dân số và gia đình	900
-	Chi đđamr bảo xã hội	1.300
-	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	4.500
2	Chi đầu tư phát triển khác	62.766
II	Chi thường xuyên	362.934
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	178.477
2	Chi khoa học và công nghệ	400
3	Chi quốc phòng	5.438
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	715
5	Chi y tế, dân số và gia đình	13.260
6	Chi văn hóa thông tin	2.417
7	Chi phát thanh, truyền hình	1.189
8	Chi thể dục thể thao	415
9	Chi bảo vệ môi trường	813
10	Chi các hoạt động kinh tế	70.916
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	32.739
12	Chi đảm bảo xã hội	55.074
13	Chi thường xuyên khác	1.081
III	Chi dự phòng ngân sách	5.201
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	27.130
V	Chi từ nguồn HĐND huyện giao tăng thu	5.826
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO
LĨNH VỰC NĂM 2020**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CT MTQG)	Chi thường xuyên (không kể CT MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi từ nguồn HĐND huyện giao tăng thu
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	587.087	95.021	447.478	6.653	32.109	5.826
I	Các cơ quan, tổ chức	480.725	90.661	362.934	-	27.130	
1	VP HĐND - UBND	6.839		6.352		487	
2	Phòng Nội vụ	2.838		2.675		163	
3	Phòng LĐ-TB&XH	65.720		65.542		178	
4	Phòng NN&PTNT	1.213		1.070		143	
5	Thanh tra	791		707		84	
6	Phòng Tài chính - KH	694		503		191	
7	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	7.781	963	6.642		175	
8	Phòng Tài nguyên - MT	1.826		1.706		120	
9	Phòng Tư pháp	721		650		71	
10	Phòng VH-TT	964		840		124	
11	Phòng Y tế	755		704		51	
12	VP Điều phối NTM	30		30			
13	Phòng Giáo dục - Đào tạo	180.566		157.159		23.407	
14	Trung tâm KTNN	1.889		1.642		247	
16	Trung tâm VH-TT	2.342		2.098		244	
17	Đội Quản lý trật tự xây dựng	1.177		1.090		87	
19	Ban QL các Dự án đầu tư	25.831	25.202	629			
21	Công an huyện	555		555			
22	Ban chỉ huy Quân sự huyện	7.002	1.729	5.273			
23	Văn phòng Huyện ủy	10.404		9.597		807	
24	UB Mật trận TQVN huyện	1.864		1.671		193	
25	Huyện đoàn	587		528		59	
26	Hội Phụ nữ	902		778		124	
27	Hội Nông dân	1.116		992		124	
28	Hội Cựu chiến binh	409		358		51	
29	Hội Chữ thập đỏ	227		227			
30	Hội người mù	200		200			
32	Hội Nạn nhân CĐDC	105		105			
33	Hội người cao tuổi	141		141			
35	Hội tù yêu nước, Hội TNXP	135		135			
36	Hội Khuyến học	135		135			
49	Ngân sách tập trung	154.965	62.766	92.199			

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CT MTQG)	Chi thường xuyên (không kể CT MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi từ nguồn HĐND huyện giao tăng thu
II	Dự phòng ngân sách	5.201			5.201		
III	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	95.335	4.360	84.544	1.452	4.979	
IV	Chi từ nguồn HĐND huyện giao tăng thu	5.826					5.826

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự ATXH	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	95.021	-	-	1.729	-	900	-	-	-	-	23.826	10.966	12.860	4.500	1.300	-
I	Cấp huyện	90.661	-	-	1.729	-	900	-	-	-	-	19.466	10.966	8.500	4.500	1.300	-
1	Phòng KTHT	963										963	963				
2	BCH Quân sự huyện	1.729			1.729												
3	BQL các Dự án ĐT	25.202					900					18.502	10.002	8.500	4.500	1.300	
4	Ngân sách tập trung	62.766															
II	Cấp xã	4.360	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.360	-	4.360	-	-	-
1	Xã Quế Phú	510										510		510			
2	Xã Phú Thọ	1.100										1.100		1.100			
3	Thị trấn Đông Phú	400										400		400			
4	Xã Quế Hiệp	350										350		350			
5	Xã Quế Châu	900										900		900			
6	Xã Quế An	1.100										1.100		1.100			

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	483.744	196.626	400	6.507	2.885	13.540	4.369	1.571	1.313	3.380	80.973	4.763	5.874	96.524	74.255	1.401
I	Cấp huyện	390.064	196.346	400	5.438	715	13.260	2.417	1.189	415	813	70.916	4.510	5.874	42.000	55.074	1.081
1	VP HĐND - UBND	6.839										75			6.764		
2	Phòng Nội vụ	2.838	463									72			2.304		
3	Phòng LĐ-TB&XH	65.720					13.084					69			1.009	51.558	
4	Phòng NN&PTNT	1.213										223		231	990		
5	Thanh tra	791													791		
6	Phòng Tài chính - KH	694													694		
7	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	6.817		400								5.206	3.460		1.212		
8	Phòng Tài nguyên - MT	1.826									603	400			823		
9	Phòng Tư pháp	721													721		
10	Phòng VH-TT	964						449							515		
11	Phòng Y tế	755					100					101			554		
12	VP Điều phối NTM	30										30		30			
13	Phòng Giáo dục - Đào tạo	180.566	174.321									1.613		1.512	6.245		
14	Trung tâm KTNN	1.889													276		
16	Trung tâm VH-TT	2.342						941	737	381	10				273		
17	Đội Quản lý trật tự xây dựng	1.177									200	874			103		
19	Ban QL các Dự án đầu tư	629	600												29		
21	Công an huyện	555				460									95		
22	Ban chỉ huy Quân sự huyện	5.273			5.214										59		
23	Văn phòng Huyện ủy	10.404	216												10.188		
24	UB Mặt trận TQVN huyện	1.864													1.864		
25	Huyện đoàn	587													587		
26	Hội Phụ nữ	902													902		
27	Hội Nông dân	1.116										200			916		



Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi			
28	Hội Cựu chiến binh	409													409		
29	Hội Chữ thập đỏ, Từ thiện	227													227		
30	Hội người mù	200													200		
32	Hội Nạn nhân chất độc da cam	105													105		
33	Hội người cao tuổi	141													141		
35	Hội tù yêu nước, TNXP	135													135		
36	Hội Khuyến học, giáo chức	135													135		
44	Ngân sách tập trung	92.199	20.746		224	255	76	1.027	452	34	-	62.054	1.050	4.101	2.734	3.516	1.081
II	Khối xã	93.680	280	-	1.069	2.170	280	1.952	382	898	2.567	10.057	253	-	54.524	19.181	320
1	Xã Quế Xuân 1	6.891	20		79	194	20	199	29	69	225	902			4.054	1.077	24
2	Xã Quế Xuân 2	7.685	20		79	132	20	368	29	70	161	1.025			4.000	1.757	24
3	Xã Quế Phú	9.294	20		90	143	20	130	35	90	225	1.901			4.252	2.361	27
4	Xã Hương An	6.297	20		78	193	20	112	27	64	170	543			3.956	1.091	23
5	Xã Quế Cường	5.375	20		69,5	123	20	108	25	55	128	622			3.536	649	20
6	Xã Phú Thọ	6.021	20		73	126	20	108	25	57	188	361			3.816	1.205	22
7	Xã Quế Thuận	6.700	20		73	126	20	108	25	56	193	853			3.809	1.396	22
8	Xã Quế Hiệp	6.067	20		73	126	20	108	25	56	146	349			3.717	1.406	22
9	Xã Quế Châu	7.096	20		82	135	20	121	31	77	270	470	253		4.035	1.810	25
10	Thị trấn Đông Phú	6.016	20		75	361	20	144	25	56	230	276			4.015	772	22
11	Xã Quế Minh	5.213	20		69,5	123	20	108	25	57	134	439			3.636	561	21
12	Xã Quế An	6.797	20		76	129	20	112	27	64	158	482			3.927	1.759	23
13	Xã Quế Long	6.868	20		73	126	20	109	25	57	136	1.240			3.891	1.150	21
14	Xã Quế Phong	7.360	20		79	132	20	117	29	70	203	599			3.880	2.187	24

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số.bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8
1	Quế Xuân 1	7.087	518	212	306	6.157	413		7.087
2	Quế Xuân 2	7.819	304	81	223	7.036	480		7.819
3	Quế Phú	10.031	421	283	138	9.182	428		10.031
4	Hương An	6.550	724	179	545	5.346	481		6.550
5	Quế Cường	5.458	106	64	42	4.838	513		5.458
6	Phú Thọ	7.262	162	124	38	6.857	243		7.262
7	QuếThuận	6.842	276	189	87	6.064	502		6.842
8	Quế Hiệp	6.508	159	122	36	6.162	187		6.508
9	Quế Châu	8.023	312	204	108	7.389	323		8.023
10	TT Đông Phú	6.773	1.257	447	810	5.311	205		6.773
11	Quế Minh	5.293	96	93	3	4.877	320		5.293
12	Quế An	8.093	172	145	27	7.538	384		8.093
13	Quế Phong	7.505	154	121	33	7.252	98		7.505
14	Quế Long	6.968	218	138	80	6.347	404		6.968
	Tổng cộng	100.212	4.877	2.402	2.475	90.356	4.979	-	100.212